

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

NĂM HỌC 2024 – 2025

Môn: Khoa học tự nhiên – Lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

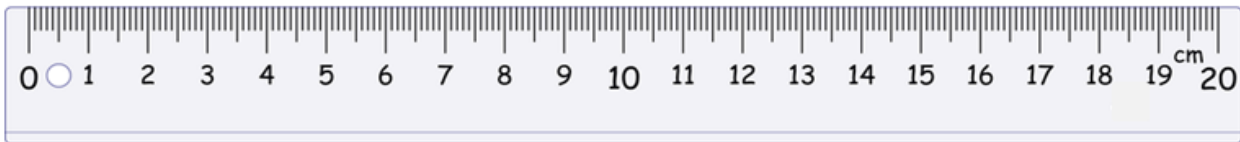
Đề có 02 trang)

Lưu ý: Học sinh làm bài mỗi phân môn trên giấy riêng.

A. PHÂN MÔN VẬT LÝ (5,0 điểm)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (1,5 điểm)

Câu 1: GHĐ và ĐCNN của thước dưới đây lần lượt là:



- A. 20 cm; 2 mm. B. 1 mm; 20 cm. C. 20 cm; 0.1cm. D. 20 mm; 5mm.

Câu 2: Dụng cụ nào dùng để xác định thể tích của chất lỏng?

- A. Thước thẳng. B. Bình chia độ. C. Cân. D. Lực kế.

Câu 3: Để đo thời gian chạy ngắn 100m ta sử dụng đồng hồ nào để đo là hợp lý nhất?

- A. Đồng hồ treo tường. B. Đồng hồ cát.
C. Đồng hồ quả lắc. D. Đồng hồ bấm giây.

Câu 4: Nhiệt kế y tế thủy ngân hoạt động dựa trên hiện tượng giãn nở vì nhiệt của

- A. chất rắn. B. chất lỏng.
C. chất khí. D. các chất rắn, lỏng, khí.

Câu 5: Mẹ Mai dặn Mai ra chợ mua 6 lạng thịt bò, 6 lạng này có nghĩa là

- A. 600 g. B. 6 g. C. 60 g. D. 6 kg.

Câu 6: Biến dạng nào sau đây **không** phải là biến dạng đàn hồi?

- A. Dây nhôm bị uốn cong. B. Dây cao su được kéo căng ra.
C. Quả bóng cao su bị đập vào tường. D. Lò xo trong chiếc bút bi bị nén lại.

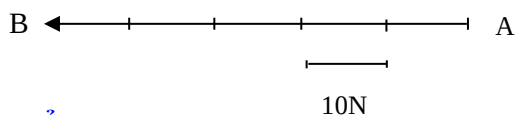
II. PHẦN TỰ LUẬN (3,5 điểm)

Câu 7: (1,0 điểm)

Em hãy nêu các bước đo chiều dài.

Câu 8: (1,0 điểm)

Hãy cho biết các đặc trưng của lực được biểu diễn như hình sau:



Câu 9: (1,5 điểm)

Có một lò xo được treo trên giá và một hộp gồm các quả nặng khối lượng 50g. Treo một quả nặng vào đầu dưới của lò xo thì lò xo dài thêm 0,5 cm.

a) Để lò xo dài thêm 1,5 cm thì cần phải treo vào lò xo bao nhiêu quả nặng?

b) Khi treo 4 quả nặng vào lò xo, người ta đo được chiều dài của nó là 12 cm. Tính chiều dài tự nhiên ban đầu của lò xo.

B. PHÂN MÔN HÓA HỌC (2,5 điểm)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (0,75 điểm)

Câu 1: Khoa học tự nhiên **không** bao gồm lĩnh vực nào sau đây?

- A. Vật lí học. B. Hoá học và Sinh học.
C. Khoa học Trái Đất và Thiên văn học. D. Lịch sử loài người.

Câu 2: Cách bảo quản kính lúp nào sau đây là đúng?

- A. Không nên lau chùi, vệ sinh kính thường xuyên vì sẽ làm mặt kính bị xước.
B. Sử dụng nước sạch hoặc nước rửa kính chuyên dụng, lau kính bằng khăn mềm.
C. Có thể để mặt kính lúp tiếp xúc với các vật nhám, bẩn mà không sợ mờ kính.
D. Cả 3 cách trên đều đúng.

Câu 3: Khi quan sát vật mẫu, tiêu bản được đặt lên bộ phận nào của kính hiển vi?

- A. Thị kính. B. Chân kính. C. Bàn kính. D. Vật kính.

II. PHẦN TỰ LUẬN (1,75 điểm)

Câu 4. (0,75 điểm)

Thế nào là vật sống và vật không sống? Mỗi loại, hãy cho 2 ví dụ.

Câu 5. (1,0 điểm)

Hãy chỉ ra nội dung cảnh báo về *chất độc*, *chất ăn mòn*, *chất độc sinh học*, *nguy hiểm về điện* ứng với mỗi kí hiệu trong hình dưới đây.



a)



b)



c)



d)

C. PHÂN MÔN SINH HỌC (2,5 điểm)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (0,75 điểm)

Câu 1. Trong quá trình phân chia tế bào thành phần nào của tế bào phân chia sớm nhất?

- A. Màng tế bào. B. Chất tế bào. C. Nhân tế bào. D. Không bào

Câu 2. Vật nào sau đây có cấu tạo từ tế bào?

- A. Xe ô tô. B. Cây cầu. C. Cây bạch đàn. D. Ngôi nhà.

Câu 3. Màng nhân là cấu trúc không thể quan sát thấy của nhóm sinh vật nào?

- A. Động vật. B. Thực vật. C. Người. D. Vi khuẩn.

II. PHẦN TỰ LUẬN (1,75 điểm)

Câu 4. (1,25 điểm)

Nêu các thành phần chính của tế bào và chức năng của chúng?

Câu 5. (0,5 điểm)

Cho các sinh vật sau: con kiến, vi khuẩn, cây bưởi, con chuồn chuồn, nấm men, con thỏ, vi khuẩn tả.

Hãy chỉ ra đâu là sinh vật đơn bào, đâu là sinh vật đa bào?

----- **Hết** -----

HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2024 – 2025

Môn: Khoa học tự nhiên – Lớp 6

A. PHÂN MÔN VẬT LÝ (5,0 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM (1,5 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	B	D	B	A	A

II. TỰ LUẬN (3,5 điểm)

Câu	Hướng dẫn	Điểm
Câu 7. (1,0 điểm)		
	Bước 1. Ước lượng chiều dài cần đo để chọn thước đo thích hợp	0,2
	Bước 2. Đặt thước dọc theo chiều dài cần đo, vạch số 0 của thước ngang với một đầu của vật	0,2
	Bước 3. Đặt mắt nhìn theo hướng vuông góc với cạnh thước ở đầu kia của vật	0,2
	Bước 4. Đọc kết quả đo theo vạch chia gần nhất với đầu kia của vật	0,2
	Bước 5. Ghi kết quả đo theo độ chia nhỏ nhất của thước	0,2
Câu 8. (1,0 điểm)		
	Các đặc trưng của lực:	0,25
	- Điểm đặt tại A	0,25
	- Phương nằm ngang	0,25
	- Chiều từ phải sang trái (từ A đến B)	0,25
	- Độ lớn 50N	0,25
Câu 9. (1,5 điểm)		
a	Vì độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng vật treo	0,25
	Khi treo 1 quả nặng vào đầu dưới của lò xo thì lò xo dài thêm 0,5 cm. Vậy để lò xo dài thêm 1,5 cm thì cần phải treo vào lò xo số quả nặng là: $(1,5 \times 1) : 0,5 = 3$ quả nặng	0,5
b	Khi treo 4 quả nặng vào lò xo thì lò xo dài thêm số cm là: $4 \times 0,5 = 2\text{cm}$	0,25
	Chiều dài tự nhiên ban đầu của lò xo là: $12 - 2 = 10\text{ cm}$	0,5

B. PHÂN MÔN HÓA HỌC (2,5 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM (0,75 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3
Đáp án	D	B	C

II. TỰ LUẬN (1,75 điểm)

Câu	Hướng dẫn	Điểm
Câu 4.		0,75
	Vật sống: Có khả năng trao đổi chất với môi trường, lớn lên và sinh sản, ...	0,25
	- Vật không sống: Không có khả năng trao đổi chất, không có khả năng sinh trưởng, phát triển và sinh sản.	0,25
	Ví dụ: + Vật không sống: hòn đá, tủ lạnh. + Vật sống: con gà, cây bưởi.	0,25
Câu 5.		1,0
	- Hình a: Nguy hiểm về điện. - Hình b: Chất ăn mòn. - Hình c: Chất độc. - Hình d: Chất độc sinh học. (Học sinh trả lời đúng mỗi nội dung cảnh báo trong hình được 0,25 điểm)	

C. PHÂN MÔN SINH HỌC (2,5 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM (0,75 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3
Đáp án	C	C	D

II. TỰ LUẬN (1,75 điểm)

Câu	Hướng dẫn	Điểm
Câu 4. (1,25 điểm)		
	Tế bào có ba thành phần chính là: màng tế bào, tế bào chất, nhân hoặc vùng nhân.	0,5
	- Màng tế bào: bảo vệ và thực hiện trao đổi chất giữa tế bào và môi trường.	0,25
	- Tế bào chất: diễn ra các hoạt động trao đổi chất.	0,25
	- Nhân hoặc vùng nhân: là trung tâm điều khiển các hoạt động sống của tế bào.	0,25
	Lưu ý: Học sinh có thể trình bày theo cách khác đúng đủ vẫn cho điểm tối đa.	
Câu 5. (0,5 điểm)		
	- Sinh vật đơn bào: vi khuẩn, nấm men, vi khuẩn tả	0,25
	- Sinh vật đa bào: con kiến, cây bưởi, con chuồn chuồn, con thỏ.	0,25

-----Hết-----